

Số: **08/2017/QĐST-HNGĐ**

CM, ngày 17 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Đặng Đức V**, Sinh năm 1980;

- Bị đơn: Chị **Nông Thị B**, Sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Tổ 1, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện CM Bắc Kạn.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Đặng Đức V** và chị **Nông Thị B**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về quan hệ hôn nhân: Anh **Đặng Đức V** và chị **Nông Thị B** thuận tình ly hôn.

*Về con chung: Giao con chung là **Đặng Tùng D**, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2014 cho anh **Đặng Đức V** trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng đến khi con chung **Đặng Tùng D** đủ 18 tuổi. Giao con chung là **Đặng Ngọc D**, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2005 cho chị **Nông Thị B** trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo

dục và nuôi dưỡng đến khi con chung Đặng Ngọc D đủ 18 tuổi. (Phù hợp với nguyện vọng của con chung Đặng Ngọc D). Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh V và chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Đặng Đức V và Chị Nông Thị B tại văn bản thỏa thuận lập ngày 25/10/2017.

+ Về tài sản chung: Chị Nông Thị B có quyền sử dụng thửa đất số 282, tờ bản đồ số 4, diện tích 143,6 m² đã được UBND huyện CM cấp GCNQSD đất số BQ 760065 ngày 04/10/2013 mang tên Đặng Đức V và Nông Thị B và sở hữu căn nhà gỗ tạp trị giá 40.000.000 đồng trên thửa đất số 282. Chị B có trách nhiệm thanh toán ½ trị giá căn nhà cho anh Đặng Đức V số tiền là 20.000.000 đồng.

Anh Đặng Đức V có quyền sử dụng thửa đất số 281, tờ bản đồ số 4, diện tích 133,4 m² đã được UBND huyện CM cấp GCNQSD đất số CA 043712 ngày 11/8/2016 mang tên Đặng Đức V và Nông Thị B và sở hữu số tiền 20.000.000 đồng do chị B thanh toán.

(Thửa đất số 281 và 282 cùng thuộc tờ bản đồ số 4 có địa chỉ tại: Tổ 1, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn).

Về đồ dùng vật dụng trong gia đình: Anh Đặng Đức V sở hữu 01 giường gấp bằng gỗ; 01 bộ bàn ghế tiện; 01 bộ loa đài; 01 máy tính xách tay TOSHIBA.

Chị B được sở hữu 01 máy tính xách tay ASUS; 01 ti vi, 01 tủ lạnh, 01 máy lọc nước, 01 máy giặt, 01 máy in.

+ Về nợ chung: Anh Đặng Đức V và chị Nông Thị B xác định còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện CM, tỉnh Bắc Kạn số tiền 48.000.000 đồng. Theo hợp đồng tín dụng 8606-LAV-2017 ngày 10/7/2017.

Anh Đặng Đức V và chị Nông Thị B đã thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận như sau: Chị B có trách nhiệm trả nợ **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện CM Bắc Kạn** số tiền là 22.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tương ứng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Anh Đặng Đức V có trách nhiệm trả nợ **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện CM Bắc Kạn** số tiền 26.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tương ứng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Hai bên xác nhận chị B đã thanh toán cho anh Văn số tiền là 42.000.000 đồng vào ngày 08/11/2017 (Trong đó có 22.000.000 đồng tiền nợ Ngân hàng **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện CM Bắc Kạn** và 20.000.000 đồng tiền trị giá căn nhà). Nay anh Văn có trách nhiệm trả nợ toàn bộ số nợ **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện CM Bắc Kạn** là 48.000.000 đ (Bốn mươi tám triệu đồng) và lãi suất phát sinh tương ứng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

*Về án phí: Anh **Đặng Đức V** tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 07636, ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Anh **Đặng Đức V** được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

“Trưởng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Ngân hàng NN&PTNT huyện CM;
- UBND thị trấn CM, huyện CM;
- UBND xã MP, huyện BB;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Lường Thị Phẩm